TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN THUẬN HÓA** **THÀNH PHỐ HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **13**/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 21-4-2025
"V/v: Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THUẬN HÓA, THÀNH PHỐ HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Hiếu.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đoàn Thị Thanh Nhàn và bà Trần Thị Bích Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thuận Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thuận Hóa tham gia phiên toà: Bà Phan Thị Thúy Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thuận Hóa, thành phố Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 16/2025/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2025, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 63/2025/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Đoan T, sinh năm: 1996.

Địa chỉ: Số 521 L, phường T, quận Phú X, thành phố Huế. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Trần Phan Phùng H, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Số 4/23 H, phường V, quận Thuận H, thành phố Huế. Vắng mặt lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/01/2025 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Lê Thị Đoan T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Đoan T và anh Trần Phan Phùng H có thời gian tìm hiểu và tự nguyện tiến đến hôn nhân, đã tiến hành đăng ký kết hôn vào ngày 21/01/2020, tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là phường G, quận Phú X, thành phố Huế). Sau khi kết hôn một thời gian, chị T và

anh H thuê nhà ở riêng tại Chung cư X, phường X, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là quận Thuận H, thành phố Huế). Trong thời gian chung sống có xảy ra nhiều mâu thuẫn; nguyên nhân là không cùng quan điểm sống, anh H ban đầu bạo lực bằng ngôn từ, sau đó chuyển sang bạo lực gia đình, đánh đập chị T trước mặt con dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể giải quyết được. Chị T và anh H sống ly thân từ tháng 5 năm 2024 đến nay. Hiện tại, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết cho chị T được ly hôn anh Trần Phan Phùng H.

- Về con chung: Chị Lê Thị Đoan T khai có với anh Trần Phan Phùng H 01 con chung tên là Trần Lê Mộc Tr, sinh ngày 19/3/2020. Hiện nay, cháu Tr đang sống cùng chị T nên chị T yêu cầu được quyền nuôi dưỡng cháu Trần Lê Mộc Tr; không yêu cầu anh Trần Phan Phùng H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Lê Thị Đoan T xác nhận không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn là anh Trần Phan Phùng H: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhiều lần cho anh Trần Phan Phùng H, nhưng anh H đều vắng mặt không đến Tòa án để làm việc, trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cũng như cung cấp tài liệu chứng cứ để chứng minh; tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để giải quyết vụ án là đã từ bỏ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Do vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thuận Hóa, thành phố Huế tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng, không có vi phạm gì cần phải kiến nghị khắc phục. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại các Điều 70 và 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật.

Bị đơn là anh Trần Phan Phùng H đã được Tòa án triệu tập, tống đạt hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

- Về nội dung:

+ Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận, xử cho chị Lê Thị Đoan T được ly hôn anh Trần Phan Phùng H.

+ Về con chung: Chị Lê Thị Đoan T và anh Trần Phan Phùng H có 01 con chung tên là Trần Lê Mộc Tr, sinh ngày 19/3/2020. Hiện nay, cháu Tr đang sống cùng chị T nên đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Tr cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng

theo yêu cầu của chị T là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản (nợ chung): Chị Lê Thị Đoan T xác nhận không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Về án phí ly hôn: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc nguyên đơn là chị Lê Thị Đoan T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thuận Hóa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Trong khởi kiện, chị Lê Thị Đoan T yêu cầu Tòa án giải quyết về việc Ly hôn, nuôi con chung; bị đơn có nơi ở hiện tại: Số 4/23 H, phường V, Thuận H, thành phố Huế. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân quận Thuận Hóa, thành phố Huế thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp và phạm vi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[1.2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Anh Trần Phan Phùng H đã được Tòa án triệu tập, tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ hai lần để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Chị Lê Thị Đoan T và anh Trần Phan Phùng H kết hôn tự nguyện, đã được Ủy ban nhân dân phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là phường G, quận Phú X, thành phố Huế) cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 21/01/2020 là đủ điều kiện kết hôn theo Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh H là hợp pháp.

Theo lời trình bày của chị T thì sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống nhưng phát sinh nhiều vấn đề mâu thuẫn không giải quyết được nên chị T và anh H đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2024. Từ đó đến nay, chị T và anh H ít khi liên lạc, không quan tâm chăm sóc đến nhau và không có giải pháp nào nhằm giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm để vợ chồng quay lại chung sống mà vẫn bỏ mặc; điều này chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt dược. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở nên cần chấp nhận, xử cho chị Lê Thị Đoan T được ly hôn anh Trần Phan Phùng H.

[2.2] Về con chung: Chị Lê Thị Đoan T xác nhận có với anh Trần Phan Phùng H 01 con chung tên là Trần Lê Mộc Tr, sinh ngày 19/3/2020. Chị T yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tr đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Xét thấy từ khi chị T và anh H sống ly thân cho đến nay, chị T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Tr. Do đó, để bảo đảm sự phát triển bình thường cả về thể chất và tinh thần của con thì cần giao cháu Trần Lê Mộc Tr cho chị Lê Thị Đoan T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp, đúng quy định pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lê Thị Đoan T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Chị Lê Thị Đoan T xác nhận không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí ly hôn: Nguyên đơn là chị Lê Thị Đoan T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 51, 56, 57 và 58 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Đoan T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Đoan T được ly hôn anh Trần Phan Phùng H.

Quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị Đoan T và anh Trần Phan Phùng H chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao 01 con chung tên là Trần Lê Mộc Tr, sinh ngày 19/3/2020 cho chị Lê Thị Đoan T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Anh Trần Phan Phùng H không cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Chị Lê Thị Đoan T xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự (ly hôn) sơ thẩm: Buộc chị Lê Thị Đoan T phải chịu 300.000 đồng án phí, nhưng được trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000529 ngày 09/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thận H, thành phố Huế. Chị Lê Thị Đoan T đã nộp đủ án phí ly hôn.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Thi hành án dân sự năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Huế;
- VKSND quận Thuận Hóa;
- CCTHADS quận Thuận H;
- UBND phường G;
(ĐKKH số 05 ngày 21/01/2020)
- Các đương sự.
- Lưu: HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Hiếu